

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03/05/2024.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Danh On**

2/ Ông Nguyễn Thành Đền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H xét xử công khai vụ án thụ lý số: 325/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Sữ Văn K**, sinh năm 1982. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Sữ Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K và chị N có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/08/2020. Trong thời gian đầu, vợ

chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể kéo dài và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh K xác định giữa anh và chị N có 01 người con chung là cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021. Hiện tại cháu B đang sống chung với chị N. Anh K đồng ý giao cháu Sữ Gia B cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh xin không cấp dưỡng cho con;

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 24/8/2020. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau, anh K không tôn trọng ý kiến của chị N và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2023 đến nay. Nay anh K yêu cầu ly hôn với chị N thì chị N không đồng ý do chị còn thương chồng, thương con.

Về con chung: Chị N xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh K có 01 người con chung là cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021. Hiện tại cháu B đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu Sữ Gia B và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sữ Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.
 2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;
 3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.
- Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Sữ Văn K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Nguyễn Thị N có nơi đăng ký thường trú tại ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2020, anh Sữ Văn K và chị Nguyễn Thị N có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh K và chị N thống nhất xác định thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2023 đến nay. Nay anh K yêu cầu ly hôn với chị N thì chị N không đồng ý, chị N muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân gia đình được xây dựng trên nền tảng bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, nhưng giữa anh K và chị N lại phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung và hiện tại đã sống ly thân với nhau từ tháng 08/2023 đến nay. Mặt khác, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán đã tiến hành

hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng anh K vẫn kiên quyết ly hôn, còn chị N không đồng ý ly hôn nhưng chị không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân của anh K và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Bên cạnh đó, Tòa án cũng tiến hành xác minh đối với chính quyền địa phương được biết giữa anh K và chị N có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại hai vợ chồng không còn sống chung với nhau khoảng nửa năm nay. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh Sữ Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[5] Về quan hệ con chung: Anh K và chị N xác định trong quá trình chung sống giữa anh chị có 01 người con chung là cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021. Hiện tại cháu Sữ Gia B đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu nuôi cháu B và chị Không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu B hiện đang sống với chị N, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, đồng thời anh K cũng đồng ý giao cháu B cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản: Anh Sữ Văn K và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sữ dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Sữ Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sữ Văn K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Sữ Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2/ Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Sữ Gia B, sinh ngày 05/8/2021 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Sữ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi cháu Sữ Gia B nhưng anh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Anh Sữ Văn K và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Sữ Văn K phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh K đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007389 ngày 30/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Kiệt